

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016
của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ
kiểm định xe cơ giới**

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức và cá nhân thực hiện kiểm định xe cơ giới thuộc quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Chương II

TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN, NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ

Điều 3. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

Người tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới đáp ứng các quy định tại điểm a, b và e khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (sau đây viết tắt là Nghị định 63/2016/NĐ-CP) được tập huấn các nội dung sau:

1. Tập huấn lý thuyết

a) Tổng quan: Hệ thống mạng lưới, tổ chức kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

b) Văn bản pháp lý: Các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ trong công tác kiểm định và hoạt động kiểm định;

c) Tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình có liên quan trong công tác kiểm định.

2. Hướng dẫn thực hành tại đơn vị đăng kiểm

a) Sử dụng thiết bị kiểm tra;

b) Kiểm tra xe cơ giới theo hạng mục kiểm tra, phương pháp kiểm tra; công đoạn và quy trình kiểm tra xe cơ giới; đánh giá kết quả kiểm tra;

c) Chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới, tra cứu thông tin phương tiện.

3. Kết thúc tập huấn, người tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới được cấp Chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

Đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng, có giấy chứng nhận đăng kiểm viên đạt cả 05 công đoạn do đơn vị đăng kiểm hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm cử đi tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao được tập huấn các nội dung sau:

1. Tập huấn lý thuyết

a) Văn bản pháp lý: Cập nhật các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong kiểm định và kiểm tra chứng nhận kiểu loại xe cơ giới.

b) Nghiệp vụ kỹ thuật: Phân tích kết cấu; chẩn đoán trạng thái kỹ thuật, hư hỏng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục; quy định chung về cải tạo xe cơ giới; công nghệ mới được trang bị trên xe cơ giới; nội dung, phương pháp và thiết bị kiểm tra mới trong công tác kiểm định.

2. Giới thiệu các chuyên đề: Khuyến nghị của Tổ chức kiểm định ô tô quốc tế trong công tác kiểm định, quản lý chất lượng các đơn vị đăng kiểm; An toàn giao thông và giám định tai nạn giao thông đường bộ; Các yêu cầu về hướng dẫn thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới.

3. Kết thúc tập huấn, đăng kiểm viên xe cơ giới tham gia tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao được cấp Chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Tập huấn nhân viên nghiệp vụ

Người tham gia tập huấn nhân viên nghiệp vụ đáp ứng các quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 của Nghị định 63/2016/NĐ-CP do đơn vị đăng kiểm hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm cử đi tập huấn, được tập huấn các nội dung sau:

1. Tập huấn lý thuyết

a) Tổng quan: Hệ thống mạng lưới, tổ chức kiểm định xe cơ giới; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác kiểm định; quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

b) Văn bản pháp lý: Các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; trình tự thực hiện kiểm định; phân loại phương tiện, phí, lệ phí kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định.

2. Hướng dẫn thực hành: Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.

3. Kết thúc tập huấn, người tham gia tập huấn nhân viên nghiệp vụ được cấp Chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

1. Sau khi hoàn thành tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới, trong thời gian không quá 03 tháng người tham gia tập huấn phải tham gia thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới tại một hoặc nhiều đơn vị đăng kiểm xe cơ giới. Khi có thay đổi về đơn vị đăng kiểm thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới, đăng kiểm viên thực tập phải báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Trong thời gian thực tập, người thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới (sau đây gọi là đăng kiểm viên thực tập) phải thực tập các nội dung sau: kiểm tra 05 công đoạn trên dây chuyền kiểm định, sử dụng thiết bị kiểm tra và các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới.

3. Đăng kiểm viên thực tập phải lập báo cáo thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới và gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm phân công đăng kiểm viên hướng dẫn thực tập và chịu trách nhiệm về nội dung thực tập của đăng kiểm viên thực tập tại đơn vị.

5. Người hướng dẫn thực tập phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao hoặc đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng. Đăng kiểm viên thực tập được kiểm tra và đánh giá xe cơ giới vào kiểm định dưới sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực tập; người hướng dẫn thực tập phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá tình trạng kỹ thuật xe cơ giới vào kiểm định.

6. Các công đoạn kiểm tra phương tiện trên dây chuyền kiểm định bao gồm:

- a) Công đoạn 1: Lập hồ sơ phương tiện và kiểm tra nhận dạng, tổng quát;
- b) Công đoạn 2: Kiểm tra phần trên của phương tiện;
- c) Công đoạn 3: Kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;
- d) Công đoạn 4: Kiểm tra môi trường;
- d) Công đoạn 5: Kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Chương III **ĐÁNH GIÁ NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Điều 7. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức đánh giá việc thực hiện kiểm tra 05 công đoạn trên dây chuyền kiểm định để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới.

2. Trường hợp đánh giá cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên thực tập đạt từ 3 công đoạn trở lên. Nếu kết quả đánh giá không đạt, tổ chức, cá nhân được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này sau 06 tháng kể từ ngày đánh giá.

3. Trường hợp đánh giá cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới đạt từ 3 công đoạn trở lên. Nếu kết quả đánh giá không đạt, đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này sau 01 tháng kể từ ngày đánh giá.

4. Trường hợp đăng kiểm viên xe cơ giới có kết quả đánh giá đạt yêu cầu nhưng không đạt đủ 05 công đoạn, đơn vị đăng kiểm được đề nghị đánh giá bổ sung những công đoạn không đạt sau 06 tháng kể từ ngày đánh giá gần nhất.

5. Đăng kiểm viên xe cơ giới chỉ được thực hiện kiểm tra các công đoạn ghi trên giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới.

Điều 8. Đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá trên dây chuyền kiểm định về các nội dung: kiểm tra 05 công đoạn; đánh giá, phân tích kết cấu, chẩn đoán trạng

thái kỹ thuật, hư hỏng và nguyên nhân hư hỏng của các chi tiết, hệ thống, tổng thành xe cơ giới và biện pháp khắc phục để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Trường hợp đánh giá cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao lần đầu, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới đạt tất cả các nội dung đánh giá quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đánh giá không đạt, đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại theo các nội dung tại khoản 1 Điều này sau 06 tháng kể từ ngày đánh giá.

3. Trường hợp đánh giá đề cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao, kết quả đánh giá đạt yêu cầu khi đăng kiểm viên xe cơ giới đạt tất cả các nội dung đánh giá quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp đánh giá không đạt, đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại theo các nội dung tại khoản 1 Điều này sau 01 tháng kể từ ngày đánh giá.

4. Trường hợp kết quả đánh giá của đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao không đủ điều kiện để cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao nhưng đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới thì đơn vị đăng kiểm được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới, sau đó nếu có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao thì đề nghị đánh giá lại các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này sau thời gian tối thiểu 12 tháng.

Điều 9. Thời gian công tác tại đơn vị đăng kiểm

Đăng kiểm viên được tính là công tác tại đơn vị đăng kiểm khi thực hiện một trong các công việc sau: trực tiếp thực hiện kiểm định xe cơ giới; hướng dẫn tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên; đánh giá nghiệp vụ cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên; thực hiện kiểm tra, đánh giá chứng nhận đủ điều kiện hoạt động hoặc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 10. Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên

Người đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên là đăng kiểm viên thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam, có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kiểm xe cơ giới tối thiểu 05 năm và được Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ định.

Chương IV

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN VÀ DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 11. Triển khai xây dựng đơn vị đăng kiểm

1. Trước khi xây dựng đơn vị đăng kiểm, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm thống nhất với Cục Đăng kiểm Việt Nam các nội dung sau:

- a) Vị trí xây dựng đơn vị đăng kiểm (địa điểm, nguồn gốc, mục đích sử dụng đất);
- b) Bố trí dây chuyền, vị trí lắp đặt thiết bị kiểm định trong xưởng kiểm định, bãi đỗ xe, đường nội bộ của đơn vị đăng kiểm;
- c) Danh mục các thiết bị, dụng cụ kiểm tra (nêu rõ nhãn hiệu, nguồn gốc, tính năng kỹ thuật);
- d) Mã số của đơn vị đăng kiểm;
- đ) Thời gian dự kiến bắt đầu tham gia hoạt động kiểm định.

2. Sau khi thống nhất, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo bằng văn bản các nội dung đã thống nhất cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm. Khi có sự thay đổi các nội dung đã thống nhất trong quá trình xây dựng hoặc trong quá trình hoạt động, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm hoặc đơn vị đăng kiểm phải thông báo với Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm phải thực hiện xây dựng đơn vị đăng kiểm phù hợp các quy định tại Nghị định 63/2016/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt cơ sở vật chất kỹ thuật, đơn vị đăng kiểm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 63/2016/NĐ-CP, trong đó danh sách trích ngang các chức danh làm việc tại đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này; danh mục thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về nhân sự, thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động hoặc vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đã được cấp thì phải kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi để cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 12. Nội dung kiểm tra, đánh giá điều kiện và duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Diện tích mặt bằng của đơn vị đăng kiểm: Kết quả kiểm tra, đánh giá ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xưởng kiểm định: Kiểm tra kích thước thông xe tối thiểu của xưởng kiểm định (tính từ hai mặt trong tường của xưởng kiểm định có một dây chuyền), khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền kiểm định liền kề, khoảng cách từ tâm dây chuyền phía ngoài đến mặt trong tường bao gần nhất; kết quả kiểm tra, đánh giá ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Nhà văn phòng, bãi đỗ xe, đường nội bộ: Kiểm tra nhà văn phòng, phòng chờ, bãi đỗ xe, chiều rộng đường nội bộ; kết quả kiểm tra, đánh giá được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra: Kiểm tra số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, độ chính xác, thời hạn hiệu chuẩn, việc bố trí hợp lý theo quy trình kiểm định, phần mềm điều khiển, việc cài đặt tiêu chuẩn đánh giá, thiết lập quy trình đo, khả năng kết nối truyền dữ liệu; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thiết bị thông tin lưu trữ và truyền số liệu, trang thiết bị khác: Kiểm tra số lượng và việc bố trí theo quy trình kiểm định; phiên bản phần mềm quản lý kiểm định có bản quyền, việc cài đặt tiêu chuẩn đánh giá, khả năng kết nối truyền dữ liệu, khả năng lưu trữ, khả năng tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Nhân lực

a) Kiểm tra hồ sơ tuyển dụng, hợp đồng lao động, quyết định công nhận Đăng kiểm viên, chứng chỉ tập huấn đối với nhân viên nghiệp vụ, quyết định bổ nhiệm phụ trách dây chuyền, người đứng đầu đơn vị đăng kiểm;

b) Tổng hợp đánh giá việc tuân thủ các quy trình, quy định có liên quan trong công tác kiểm định của mỗi cá nhân thông qua kết quả kiểm tra, đánh giá nội dung tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều này và các lỗi vi phạm trong kỳ đánh giá (nếu có); kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Kiểm tra, đánh giá đối với đăng kiểm viên; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu tại Phụ lục II của Nghị định 63/2016/NĐ-CP.

7. Thực hiện quy trình kiểm định: Tiến hành đánh giá sự hoạt động của dây chuyền, việc tuân thủ quy trình, quy định và chất lượng công tác kiểm định của đăng kiểm viên, đơn vị; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Hồ sơ và dữ liệu (đối với kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động): Đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra hồ sơ và dữ liệu lưu trữ; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Các sổ theo dõi, chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định: Đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra việc mở sổ sách theo dõi và ghi chép, thực hiện báo cáo

định kỳ, quản lý và sử dụng ấn chỉ kiểm định; kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này.

10. Các nội dung khác: Các bảng biểu, thông báo theo quy định, camera chụp ảnh phương tiện vào kiểm định; camera IP giám sát và lưu trữ hình ảnh; hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định; địa chỉ IP tĩnh. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi vào biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

11. Kết quả kiểm tra, đánh giá được ghi theo mẫu tại Phụ lục IV của Nghị định 63/2016/NĐ-CP trên cơ sở tổng hợp kết quả từ các biên bản kiểm tra, đánh giá do các thành viên trong đoàn đã lập.

Điều 13. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra, đánh giá

1. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được lập thành 02 bộ, 01 bộ lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bộ lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam làm cơ sở để kiểm tra, đánh giá việc duy trì điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được lập thành 02 bộ, 01 bộ lưu tại đơn vị đăng kiểm, 01 bộ lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam và được hủy sau 03 năm.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Thực hiện việc quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các đơn vị đăng kiểm trên cả nước.

2. Rà soát, đề xuất, báo cáo Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh, cập nhật quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm, thành lập và hoạt động của các đơn vị đăng kiểm theo quy định.

3. Tổ chức và thực hiện tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ.

4. Xây dựng và thông báo trên trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam về kế hoạch kiểm tra, đánh giá định kỳ các đơn vị đăng kiểm.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện việc quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn quản lý.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm định của các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn.

3. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đối với cá nhân, đơn vị đăng kiểm xe cơ giới trên địa bàn.

4. Công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trên địa bàn.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị đăng kiểm

1. Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam khi có thay đổi về số lượng đăng kiểm viên, phụ trách dây chuyền, lãnh đạo đơn vị, thiết bị kiểm tra.

2. Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì độ chính xác, tình trạng hoạt động của thiết bị, dụng cụ kiểm định theo quy định. Báo cáo Cục Đăng kiểm Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương khi thiết bị, dây chuyền kiểm định ngừng hoạt động.

3. Xây dựng kế hoạch tập huấn hàng năm cho đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ trong đơn vị.

4. Lập báo cáo hoạt động kiểm định trong kỳ theo mẫu quy định tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam trước thời điểm kiểm tra, đánh giá định kỳ việc duy trì các điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

5. Rà soát và lập kế hoạch khắc phục các nội dung chưa phù hợp để đảm bảo điều kiện hoạt động kiểm định theo quy định tại Nghị định số 63/2016/NĐ-CP.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2017 và thay thế các văn bản sau đây:

1. Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2. Thông tư số 72/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn đối với lãnh đạo, nhân viên Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Thông tư số 11/2009/TT-BGTVT ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện đối với Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

4. Thông tư số 59/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc thành lập và hoạt động của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG**Trương Quang Nghĩa**

Phụ lục 1

**MẪU CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI/BẠC CAO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI/ BẠC CAO**

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khóa tập huấn: *(tên chương trình tập huấn)*

Địa điểm:

Thời gian:

Kết quả:

....., ngày..... tháng..... năm.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Số:

Phụ lục 2

MẪU CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TẬP HUẤN NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ KIỂM ĐỊNH

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):

Năm sinh:

Đơn vị công tác:

Đã hoàn thành khóa tập huấn: *(tên chương trình tập huấn)*

Địa điểm:

Thời gian:

Kết quả:

....., ngày..... tháng..... năm.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Số:

Phụ lục 3**BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI**

(Báo cáo hàng tháng)

Họ và tên:

Đơn vị công tác:

Đơn vị đăng kiểm thực tập:

Người hướng dẫn thực tập:

Thời gian: từ..... đến....

I. Thực tập kiểm tra các phương tiện dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực tập

TT	Loại xe	Biển số	Công đoạn Kiểm tra	Kết quả Đạt/không đạt	Lý do
1					
2					
...					

II. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

1. Thực hiện các nội dung kiểm tra:
2. Phương pháp kiểm tra:
3. Số lượng phương tiện đăng kiểm viên thực tập kết luận đúng:
4. Lập Hồ sơ phương tiện:
5. Sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý kiểm định xe cơ giới:
6. Sử dụng thiết bị kiểm tra:
7. Yêu cầu đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC TẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC TẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên, đóng dấu)

Cơ quan chủ quản
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN XE CƠ GIỚI
(*Báo cáo tổng hợp kết quả thực tập*)

Họ và tên:..... Đơn vị công tác:.....

Đơn vị đăng kiểm thực tập:.....

Thời gian thực tập: từ..... đến.....

1. Đánh giá của người hướng dẫn thực tập

Thực hiện kiểm định các công đoạn

Nội dung thực tập	Nhận xét của người hướng dẫn thực tập (ghi đạt hoặc không đạt)
<u>Công đoạn 1 - Lập HSPT</u> Thời gian từ.... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (<i>ký, ghi rõ họ tên</i>)
<u>Công đoạn 2</u> Thời gian từ.... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (<i>ký, ghi rõ họ tên</i>)
<u>Công đoạn 3</u> Thời gian từ.... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe Xe con..... xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (<i>ký, ghi rõ họ tên</i>)

Nội dung thực tập	Nhận xét của người hướng dẫn thực tập (ghi đạt hoặc không đạt)
Công đoạn 4 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (ký, ghi rõ họ tên)
Công đoạn 5 Thời gian từ..... đến..... Số lượng xe đã thực tập kiểm tra: - Xe khách..... xe - Xe tải..... xe - Xe con..... xe	- Nội dung kiểm tra: - Thao tác: - Đánh giá kết quả: - Nhận xét khác: Người hướng dẫn thực tập nhận xét (ký, ghi rõ họ tên)

2. Nhận xét của Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm

- Về chuyên môn nghiệp vụ:
- Chấp hành kỷ luật, nội quy của đơn vị đăng kiểm:
- Ý kiến khác:
- Kết luận: (đạt hoặc chưa đạt)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
 (Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN THỰC TẬP
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ nghiệp vụ	Qua đào tạo nghiệp vụ	Kỷ luật trong kỳ	Điện thoại	Ghi chú
1										
2										
3										
4										
5										
6										
...										

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

Phụ lục 5

**MẪU DANH MỤC THIẾT BỊ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA, THIẾT BỊ THÔNG TIN,
LƯU TRỮ, TRUYỀN SỐ LIỆU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Đơn vị ĐK XCG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THIẾT BỊ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA THIẾT BỊ THÔNG TIN, LƯU TRỮ, TRUYỀN SỐ LIỆU

I. Thiết bị kiểm tra

TT	Tên thiết bị kiểm tra	Nhãn hiệu - Số loại	Số serie	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
Dây chuyền số 1						
01	Thiết bị kiểm tra phanh					
02	Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe					
03	Thiết bị cân khối lượng					
04	Thiết bị phân tích khí xả					
05	Thiết bị đo độ khối					
06	Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước					
07	Thiết bị đo độ ồn					
08	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm					
09	Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới hoặc hàm kiểm tra					
10	Thiết bị gia tải động cơ (đối với trường hợp thực hiện quy trình kiểm tra khí thải của xe cơ giới bằng phương pháp có gia tải)					
Dây chuyền số 2						
...						

II. Dụng cụ kiểm tra

TT	Tên dụng cụ kiểm tra	Số lượng	Ghi chú
01	Dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp		
02	Búa chuyên dùng kiểm tra		
03	Thước đo chiều dài		
04	Đèn soi		
05	Kích trên hầm kiểm tra (nếu có hầm kiểm tra)		

III. Các trang, thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu

1. Địa chỉ IP tĩnh, địa chỉ Email:
2. Thiết bị văn phòng: Máy tính..... (cái). Máy in..... (cái). Máy photo:.....
3. Camera hoặc máy ảnh kỹ thuật số chụp ảnh xe cơ giới:
4. Camera IP:
5. Màn hình tại phòng chờ:
6. Số điện thoại:..... Số Fax:.....
7. Hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định:
8. Máy chủ và thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN):
9. Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy:

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM/
TỔ CHỨC THÀNH LẬP**

Phụ lục 6**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MẶT BẰNG ĐƠN VỊ,
XƯỞNG KIỂM ĐỊNH, THIẾT BỊ THÔNG TIN LƯU TRỮ TRUYỀN SỐ LIỆU
VÀ TRANG THIẾT BỊ KHÁC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ****Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, thiết bị thông tin lưu trữ
truyền số liệu và trang thiết bị khác**

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại đơn vị đăng kiểm XCG mã số....., Chúng tôi gồm:

1. Ông:....., Phòng Kiểm định XCG;
2. Ông:....., Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm XCG.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về diện tích, nhà xưởng, bãi đỗ xe; Thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; Trang thiết bị khác của đơn vị đăng kiểm:

1. Mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe, nhà văn phòng, đường nội bộ:

Nội dung kiểm tra:		Đạt	Không đạt
+ Diện tích mặt bằng xây dựng đơn vị ⁽¹⁾ : m ²	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Xưởng kiểm định:			
- Kích thước thông xe (D x R x C) ⁽¹⁾ :.....	m	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khoảng cách giữa tâm các dây chuyền ⁽¹⁾ : m	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khoảng cách giữa tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng ⁽¹⁾ : m	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Bãi đỗ xe ra vào ⁽¹⁾ :		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Đường nội bộ ⁽¹⁾ : Chiều rộng mặt đường:.....		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Nhà văn phòng:		Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

2. Thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu:

Nội dung kiểm tra:	Đạt	Không đạt
+ Chương trình phần mềm quản lý kiểm định:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Chương trình đánh giá kết quả kiểm định:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Khả năng nối mạng, truy cập, truyền và lưu trữ số liệu:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
+ Địa chỉ IP tĩnh:.....		

3. Trang thiết bị khác:

Nội dung kiểm tra	Đạt	Không đạt
+ Thiết bị văn phòng:	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- | | | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| + Camera, máy ảnh chụp ảnh xe cơ giới: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Camera IP giám sát và lưu trữ hình ảnh: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy : | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Các biển hiệu, bảng biểu và các nội dung cần thông báo: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định:..... | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Máy chủ và thiết bị kết nối mạng riêng ảo (VPN): | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Màn hình tại phòng chờ: | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| + Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 ⁽²⁾ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

4. Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

.....

.....

5. Kết luận:

- ☐ Diện tích mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe; thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; trang thiết bị khác đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

- ☐ Diện tích mặt bằng đơn vị, xưởng kiểm định, bãi đỗ xe; thiết bị thông tin lưu trữ, truyền số liệu; trang thiết bị khác không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị Đăng kiểm/Tổ chức thành lập
đơn vị đăng kiểm
(Ký, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Ghi các thông số đối với kiểm tra lần đầu hoặc nếu có thay đổi (có bản vẽ kèm theo).

(2): Áp dụng đối với các đơn vị đã hoạt động sau 18 tháng

Phụ lục 7
MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
THIẾT BỊ KIỂM TRA, DỤNG CỤ KIỂM TRA

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Thiết bị, dụng cụ kiểm tra

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....; tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới....., chúng tôi gồm:

1. Ông:....., Phòng Kiểm định XCG.

2. Ông:....., Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm XCG.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra của dây chuyền số:.....

1) Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe:

Đạt Không đạt

Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
<i>Thông số chuẩn⁽¹⁾</i>	<i>Thông số kiểm tra</i>	<i>Đánh giá</i>	<i>Hạn kiểm tra</i>
Kết luận:		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

2) Thiết bị cân khối lượng (sử dụng để tính hiệu quả phanh):

Đạt Không đạt

Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
<i>Thông số chuẩn⁽¹⁾</i>	<i>Thông số kiểm tra</i>	<i>Đánh giá</i>	<i>Hạn kiểm tra</i>
Kết luận:		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3) Thiết bị kiểm tra phanh:

Đạt Không đạt

Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
<i>Thông số chuẩn⁽¹⁾</i>	<i>Thông số kiểm tra</i>	<i>Đánh giá</i>	<i>Hạn kiểm tra</i>
Kết luận:		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

4) Thiết bị phân tích khí xả:

Đạt Không đạt

Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:	
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:			
<i>Thông số chuẩn⁽¹⁾</i>	<i>Thông số kiểm tra</i>	<i>Đánh giá</i>	<i>Hạn kiểm tra</i>
Kết luận:		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

5) Thiết bị đo độ khối:			Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:		
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:				
Thông số chuẩn ⁽¹⁾	Thông số kiểm tra	Đánh giá	Hạn kiểm tra	
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

6) Thiết bị đo độ ồn:			Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:		
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:				
Thông số chuẩn ⁽¹⁾	Thông số kiểm tra	Đánh giá	Hạn kiểm tra	
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

7) Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước:			Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:		
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:				
Thông số chuẩn ⁽¹⁾	Thông số kiểm tra	Đánh giá	Hạn kiểm tra	
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

8) Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm:			Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:		
Tình trạng hoạt động			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

9) Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới/hầm kiểm tra:			Đạt	Không đạt
Tình trạng hoạt động (đối với thiết bị nâng)			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

10) Thiết bị gia tải động cơ (đối với trường hợp thực hiện quy trình kiểm tra khí thải của xe cơ giới bằng phương pháp có gia tải)			Đạt	Không đạt
Nhãn hiệu:	Số thiết bị:	Năm sản xuất:		
Tình trạng hoạt động và khả năng nối mạng, truyền số liệu			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Tính chính xác, hiệu chuẩn thiết bị:				
Thông số chuẩn ⁽¹⁾	Thông số kiểm tra	Đánh giá	Hạn kiểm tra	
Kết luận:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

			Đạt	Không đạt
11) Dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
12) Đèn soi:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
13) Búa chuyên dùng kiểm tra:			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
14) Kích trên hầm kiểm tra (nếu có hầm kiểm tra):			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

15) Điều kiện đo, tình trạng lắp đặt của các thiết bị:

.....

.....

.....

16) Yêu cầu sửa chữa khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

.....

17) Kết luận:

- ☐ Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
- ☐ Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**Đơn vị Đăng kiểm/Tổ chức
thành lập đơn vị đăng kiểm**
(Ký, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾: Ghi giá trị của nhà sản xuất quy định

Phụ lục 8**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NHÂN LỰC
VÀ VIỆC THỰC HIỆN QUY TRÌNH KIỂM ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ****Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định**

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày tháng năm tại đơn vị đăng kiểm mã số....., chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra:

1. Ông:....., Trưởng đoàn đánh giá.
2. Ông:....., Phòng Kiểm định XCG.
3. Ông:....., Phòng Kiểm định XCG.

II. Đại diện đơn vị đăng kiểm:

1. Ông:....., Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm XCG.

III. Nội dung kiểm tra đánh giá:

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá về nhân lực và thực hiện quy trình của đơn vị đăng kiểm:

1) Nhân lực:

Hồ sơ nhân lực:

- + Hợp đồng lao động (hoặc Quyết định tuyển dụng):
- + Quyết định công nhận đăng kiểm viên; nhân viên nghiệp vụ:
- + Quyết định bổ nhiệm phụ trách dây chuyền:
- + Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị

Đạt**Không đạt**☐☐☐☐☐☐☐☐**2) Việc thực hiện quy trình kiểm định:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3) Yêu cầu sửa chữa khắc phục:

.....

.....

.....

.....

4) Đề xuất, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

5) Kết luận:

- ☐ Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định đúng quy định đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
- ☐ Nhân lực và việc thực hiện quy trình kiểm định không đảm bảo điều kiện/duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**Đơn vị Đăng kiểm/
Tổ chức thành lập đơn vị
đăng kiểm**
(Ký, đóng dấu)

Đăng kiểm viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 9**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ DỮ LIỆU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ****Hồ sơ và dữ liệu**

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... tại Đơn vị Đăng kiểm xe cơ giới....., chúng tôi gồm:

1. Ông:..... Phòng Kiểm định XCG.
2. Ông:..... Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành đánh giá việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ:

1. Kiểm tra Hồ sơ:

.....

.....

.....

2. Kiểm tra dữ liệu:

.....

.....

.....

3. Yêu cầu sửa chữa khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

.....

4. Kết luận:

- ☐ Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ đúng quy định, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

- ☐ Việc tuân thủ các quy định có liên quan trong công tác kiểm định của cá nhân, đơn vị thông qua kiểm tra xác suất hồ sơ và dữ liệu lưu trữ không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị Đăng kiểm/Tổ chức thành lập
đơn vị đăng kiểm
(Ký tên, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 10**MẪU BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ SỔ THEO DÕI, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO
VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG ẮN CHỈ KIỂM ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ****Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ẮN chỉ kiểm định**

Được sự ủy quyền và phân công nhiệm vụ của Ông Trưởng đoàn đánh giá, hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại Đơn vị đăng kiểm XCG mã số....., chúng tôi gồm:

1. Ông:....., Phòng Kiểm định XCG.

2. Ông:....., Lãnh đạo Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

Đã tiến hành kiểm tra, đánh giá Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ẮN chỉ kiểm định đơn vị từ ngày..... đến ngày:.....:

1. Sổ sách theo dõi, biểu mẫu:

.....
.....

2. Quản lý, sử dụng ẮN chỉ kiểm định:

.....
.....

3. Chế độ báo cáo, truyền số liệu:

.....
.....

4. Thực hiện thanh toán:

.....
.....

5. Kiểm kê ẮN chỉ:

Loại ấn chỉ/Danh mục	Số lượng	Danh mục	Số lượng	Số Series tồn	
Loại ấn chỉ:					
- Tồn kỳ trước		- Tồn cuối kỳ		Từ số	Đến số
- Nhận mới trong kỳ					
- Sử dụng ^(*)					
- Hư hỏng					
Số lượng hỏng:					
Số series:.....					
Ghi chú:.....					

6) Hủy ấn chỉ hồng, ấn chỉ không còn giá trị sử dụng:

- Đã hủy các ấn chỉ hồng trong bản kê theo bảng trên;
 - Hủy các ấn chỉ không còn giá trị sử dụng gồm:
-
-

7) Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau đây:

.....

.....

8) Kết luận:

- ☐ Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định đúng quy định, đảm bảo duy trì điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
- ☐ Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định không đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm, một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

**Đơn vị Đăng kiểm/Tổ chức
thành lập đơn vị đăng kiểm**
(Ký, đóng dấu)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*): Không bao gồm ấn chỉ hồng

Phụ lục 11**MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH TRONG KỲ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Đơn vị DK XCG...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH TRONG KỲ

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam

Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Địa chỉ:..... ĐT:..... FAX:.....

Báo cáo tình hình hoạt động trong kỳ (từ ngày..... đến ngày.....) như sau:

1. Diện tích Đơn vị, nhà xưởng, bãi đỗ xe:

(Không/có thay đổi so với kỳ kiểm tra, đánh giá lần trước - yêu cầu ghi rõ những thay đổi nếu có).

2. Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra:

- Số dây chuyền:.....
- Thiết bị kiểm định, dụng cụ kiểm tra bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:.....

3. Thiết bị thông tin lưu trữ và truyền số liệu:

- Thiết bị bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của thiết bị:.....

4. Các trang thiết bị khác:

- Trang thiết bị kiểm định bổ sung trong kỳ:.....
- Tình trạng hoạt động hiện tại của trang thiết bị:.....
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: (có/không).....

5. Nhân lực của Đơn vị: (lập danh sách theo mẫu Phụ lục 4 của Thông tư này)**6. Thực hiện quy trình:**

- Nêu đầy đủ các vi phạm, kỷ luật của đơn vị, cá nhân (nếu có) trong kỳ báo cáo.

7. Sổ theo dõi, chế độ báo cáo và quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định:

- Các loại Sổ theo quy định: (đủ/thiếu).....
- Việc ghi chép thông tin trong các Sổ: (đủ/thiếu).....
- Sử dụng và cấp phát ấn chỉ:

8. Thực hiện thanh toán:

- Thanh toán tiền ấn chỉ kiểm định: (đủ/thiếu).....
- Thanh toán tiền kiểm tra thiết bị: (đủ/thiếu).....
- Thanh toán các khoản khác: (đủ/thiếu).....

10) Kiểm kê ấn chỉ:

1. Loại ấn chỉ:	2.....
Số lượng tồn kỳ trước:.....	Số lượng tồn kỳ trước:.....
Số lượng nhận mới trong kỳ:.....	Số lượng nhận mới trong kỳ:.....
Số lượng sử dụng:.....	Số lượng sử dụng:.....
Số lượng hỏng:.....	Số lượng hỏng:.....
Số lượng tồn:.....	Số lượng tồn:.....
Từ số..... đến số.....	Từ số..... đến số.....

11) Đề nghị của Đơn vị:

.....

.....

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM